

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN  
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2  
MÔN: KỸ NĂNG GIAO TIẾP

| TT | Mã SV      | HỌ VÀ TÊN        |       | Ngày sinh  | Mã lớp   | Điểm TBM Lần 1 |         |
|----|------------|------------------|-------|------------|----------|----------------|---------|
|    |            |                  |       |            |          | TB Môn         | KQ1     |
| 1  | 1213360099 | Trần Ngọc        | Anh   | 18/05/2006 | 01MK14C1 | 5.6            | Đạt     |
| 2  | 1213360005 | Phan Thụy Ngọc   | Ánh   | 05/02/2002 | 01MK14C1 | 6.4            | Đạt     |
| 3  | 1213360103 | Đào Huỳnh Gia    | Bảo   | 22/10/2006 | 01MK14C1 | 7.0            | Đạt     |
| 4  | 1213240061 | Đỗ Văn           | Công  | 08/03/2003 | 01MK14A1 | 6.8            | Đạt     |
| 5  | 1213240017 | Lê               | Đô    | 17/06/1998 | 01MK14A1 | 7.5            | Đạt     |
| 6  | 1213360069 | Phạm Nhật Tâm    | Đoan  | 20/09/2005 | 01MK14C1 | 7.4            | Đạt     |
| 7  | 1213360094 | Trần Chấn        | Đông  | 04/10/2006 | 01MK14C1 | 6.6            | Đạt     |
| 8  | 1213360157 | Nguyễn Thị Hồng  | Hà    | 16/01/1996 | 01MK14C1 | 0.0            | Học lại |
| 9  | 1213360144 | Biện Thái Ngọc   | Hân   | 24/07/2006 | 01MK14C1 | 6.1            | Đạt     |
| 10 | 1213360154 | Trần Phan Quốc   | Hùng  | 02/09/2006 | 01MK14C1 | 6.4            | Đạt     |
| 11 | 1213360040 | Lê Quốc          | Hung  | 23/01/2006 | 01MK14C1 | 5.4            | Đạt     |
| 12 | 1213360129 | Võ Nhựt          | Huy   | 27/12/2006 | 01MK14C1 | 5.3            | Đạt     |
| 13 | 1213360115 | Hứa Thị Kim      | Ngân  | 24/04/2006 | 01MK14C1 | 6.5            | Đạt     |
| 14 | 1213180029 | Đỗ Yến           | Nhung | 10/12/1990 | 01MK14A1 | 7.3            | Đạt     |
| 15 | 1213360017 | Lý Kim           | Phụng | 10/02/2006 | 01MK14C1 | 0.0            | Học lại |
| 16 | 1213240019 | Trần Thị Thu     | Thắm  | 31/10/2002 | 01MK14A1 | 8.7            | Đạt     |
| 17 | 1213360126 | Nguyễn Liên      | Thành | 12/12/2006 | 01MK14C1 | 6.4            | Đạt     |
| 18 | 1213360145 | Nguyễn Hòa       | Thành | 08/12/2004 | 01MK14C1 | 7.7            | Đạt     |
| 19 | 1213360054 | Trương Kim Uyên  | Thảo  | 01/10/2006 | 01MK14C1 | 5.7            | Đạt     |
| 20 | 1213360140 | Huỳnh Phạm Anh   | Thư   | 01/11/2006 | 01MK14C1 | 6.6            | Đạt     |
| 21 | 1213360022 | Lê Hoàng Tú      | Trinh | 30/11/2005 | 01MK14C1 | 5.5            | Đạt     |
| 22 | 1213360092 | Nguyễn Hồ Phương | Uyên  | 30/05/2006 | 01MK14C1 | 2.4            | Thi lại |
| 23 | 1213360156 | Cao Nguyên       | Vũ    | 01/11/2006 | 01MK14C1 | 2.5            | Thi lại |
| 24 | 1213360135 | Nguyễn Hà        | Vy    | 17/07/2006 | 01MK14C1 | 6.7            | Đạt     |

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN  
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2  
MÔN: KÊNH PHÂN PHỐI BÁN HÀNG

| TT | Mã SV      | HỌ VÀ TÊN        |       | Ngày sinh  | Mã lớp   | Điểm TBM Lần 1 |         |
|----|------------|------------------|-------|------------|----------|----------------|---------|
|    |            |                  |       |            |          | TB Môn         | KQ1     |
| 1  | 1213360099 | Trần Ngọc        | Anh   | 18/05/2006 | 01MK14C1 | 9.1            | Đạt     |
| 2  | 1213360005 | Phan Thụy Ngọc   | Ánh   | 05/02/2002 | 01MK14C1 | 8.9            | Đạt     |
| 3  | 1213360103 | Đào Huỳnh Gia    | Bảo   | 22/10/2006 | 01MK14C1 | 9.0            | Đạt     |
| 4  | 1213240061 | Đỗ Văn           | Công  | 08/03/2003 | 01MK14A1 | 9.1            | Đạt     |
| 5  | 1213240017 | Lê               | Đô    | 17/06/1998 | 01MK14A1 | 9.1            | Đạt     |
| 6  | 1213360069 | Phạm Nhật Tâm    | Đoan  | 20/09/2005 | 01MK14C1 | 8.7            | Đạt     |
| 7  | 1213360094 | Trần Chấn        | Đông  | 04/10/2006 | 01MK14C1 | 7.5            | Đạt     |
| 8  | 1213360157 | Nguyễn Thị Hồng  | Hà    | 16/01/1996 | 01MK14C1 | 0.8            | Học lại |
| 9  | 1213360144 | Biện Thái Ngọc   | Hân   | 24/07/2006 | 01MK14C1 | 8.7            | Đạt     |
| 10 | 1213360154 | Trần Phan Quốc   | Hùng  | 02/09/2006 | 01MK14C1 | 8.7            | Đạt     |
| 11 | 1213360040 | Lê Quốc          | Hung  | 23/01/2006 | 01MK14C1 | 8.5            | Đạt     |
| 12 | 1213360129 | Võ Nhựt          | Huy   | 27/12/2006 | 01MK14C1 | 8.9            | Đạt     |
| 13 | 1213360115 | Hứa Thị Kim      | Ngân  | 24/04/2006 | 01MK14C1 | 8.6            | Đạt     |
| 14 | 1213180029 | Đỗ Yến           | Nhung | 10/12/1990 | 01MK14A1 | 9.1            | Đạt     |
| 15 | 1213360017 | Lý Kim           | Phụng | 10/02/2006 | 01MK14C1 | 8.9            | Đạt     |
| 16 | 1213240019 | Trần Thị Thu     | Thắm  | 31/10/2002 | 01MK14A1 | 9.0            | Đạt     |
| 17 | 1213360126 | Nguyễn Liên      | Thành | 12/12/2006 | 01MK14C1 | 9.0            | Đạt     |
| 18 | 1213360145 | Nguyễn Hòa       | Thành | 08/12/2004 | 01MK14C1 | 9.0            | Đạt     |
| 19 | 1213360054 | Trương Kim Uyên  | Thảo  | 01/10/2006 | 01MK14C1 | 9.0            | Đạt     |
| 20 | 1213360140 | Huỳnh Phạm Anh   | Thư   | 01/11/2006 | 01MK14C1 | 8.8            | Đạt     |
| 21 | 1213360022 | Lê Hoàng Tú      | Trinh | 30/11/2005 | 01MK14C1 | 8.7            | Đạt     |
| 22 | 1213360092 | Nguyễn Hồ Phương | Uyên  | 30/05/2006 | 01MK14C1 | 8.9            | Đạt     |
| 23 | 1213360156 | Cao Nguyên       | Vũ    | 01/11/2006 | 01MK14C1 | 0.9            | Học lại |
| 24 | 1213360135 | Nguyễn Hà        | Vy    | 17/07/2006 | 01MK14C1 | 8.8            | Đạt     |

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN  
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2  
MÔN: NGHIỆP VỤ MARKETING

| TT | Mã SV      | HỌ VÀ TÊN        |       | Ngày sinh  | Mã lớp   | Điểm<br>TBM Lần 1 |         |
|----|------------|------------------|-------|------------|----------|-------------------|---------|
|    |            |                  |       |            |          | TB Môn            | KQ1     |
| 1  | 1213360099 | Trần Ngọc        | Anh   | 18/05/2006 | 01MK14C1 | 6.7               | Đạt     |
| 2  | 1213360005 | Phan Thụy Ngọc   | Ánh   | 05/02/2002 | 01MK14C1 | 7.1               | Đạt     |
| 3  | 1213360103 | Đào Huỳnh Gia    | Bảo   | 22/10/2006 | 01MK14C1 | 6.9               | Đạt     |
| 4  | 1213240061 | Đỗ Văn           | Công  | 08/03/2003 | 01MK14A1 | 7.1               | Đạt     |
| 5  | 1213240017 | Lê               | Đô    | 17/06/1998 | 01MK14A1 | 7.5               | Đạt     |
| 6  | 1213360069 | Phạm Nhật Tâm    | Đoan  | 20/09/2005 | 01MK14C1 | 7.4               | Đạt     |
| 7  | 1213360094 | Trần Chấn        | Đông  | 04/10/2006 | 01MK14C1 | 5.3               | Đạt     |
| 8  | 1213360157 | Nguyễn Thị Hồng  | Hà    | 16/01/1996 | 01MK14C1 | 0.0               | Học lại |
| 9  | 1213360144 | Biện Thái Ngọc   | Hân   | 24/07/2006 | 01MK14C1 | 3.2               | Thi lại |
| 10 | 1213360154 | Trần Phan Quốc   | Hùng  | 02/09/2006 | 01MK14C1 | 7.3               | Đạt     |
| 11 | 1213360040 | Lê Quốc          | Hung  | 23/01/2006 | 01MK14C1 | 6.1               | Đạt     |
| 12 | 1213360129 | Võ Nhựt          | Huy   | 27/12/2006 | 01MK14C1 | 5.7               | Đạt     |
| 13 | 1213360115 | Hứa Thị Kim      | Ngân  | 24/04/2006 | 01MK14C1 | 6.2               | Đạt     |
| 14 | 1213180029 | Đỗ Yến           | Nhung | 10/12/1990 | 01MK14A1 | 7.1               | Đạt     |
| 15 | 1213360017 | Lý Kim           | Phụng | 10/02/2006 | 01MK14C1 | 0.0               | Học lại |
| 16 | 1213240019 | Trần Thị Thu     | Thắm  | 31/10/2002 | 01MK14A1 | 8.4               | Đạt     |
| 17 | 1213360126 | Nguyễn Liên      | Thành | 12/12/2006 | 01MK14C1 | 6.8               | Đạt     |
| 18 | 1213360145 | Nguyễn Hòa       | Thành | 08/12/2004 | 01MK14C1 | 5.8               | Đạt     |
| 19 | 1213360054 | Trương Kim Uyên  | Thảo  | 01/10/2006 | 01MK14C1 | 6.4               | Đạt     |
| 20 | 1213360140 | Huỳnh Phạm Anh   | Thư   | 01/11/2006 | 01MK14C1 | 5.9               | Đạt     |
| 21 | 1213360022 | Lê Hoàng Tú      | Trình | 30/11/2005 | 01MK14C1 | 6.6               | Đạt     |
| 22 | 1213360092 | Nguyễn Hồ Phương | Uyên  | 30/05/2006 | 01MK14C1 | 6.4               | Đạt     |
| 23 | 1213360156 | Cao Nguyên       | Vũ    | 01/11/2006 | 01MK14C1 | 2.7               | Thi lại |
| 24 | 1213360135 | Nguyễn Hà        | Vy    | 17/07/2006 | 01MK14C1 | 7.7               | Đạt     |

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN  
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2  
MÔN: HÀNH VI KHÁCH HÀNG

| TT | Mã SV      | HỌ VÀ TÊN        |       | Ngày sinh  | Mã lớp   | Điểm<br>TBM Lần 1 |         |
|----|------------|------------------|-------|------------|----------|-------------------|---------|
|    |            |                  |       |            |          | TB Môn            | KQ1     |
| 1  | 1213360099 | Trần Ngọc        | Anh   | 18/05/2006 | 01MK14C1 | 6.8               | Đạt     |
| 2  | 1213360005 | Phan Thụy Ngọc   | Ánh   | 05/02/2002 | 01MK14C1 | 6.3               | Đạt     |
| 3  | 1213360103 | Đào Huỳnh Gia    | Bảo   | 22/10/2006 | 01MK14C1 | 5.3               | Đạt     |
| 4  | 1213240061 | Đỗ Văn           | Công  | 08/03/2003 | 01MK14A1 | 7.1               | Đạt     |
| 5  | 1213240017 | Lê               | Đô    | 17/06/1998 | 01MK14A1 | 8.3               | Đạt     |
| 6  | 1213360069 | Phạm Nhật Tâm    | Đoan  | 20/09/2005 | 01MK14C1 | 4.7               | Đạt     |
| 7  | 1213360094 | Trần Chấn        | Đông  | 04/10/2006 | 01MK14C1 | 2.9               | Thi lại |
| 8  | 1213360157 | Nguyễn Thị Hồng  | Hà    | 16/01/1996 | 01MK14C1 | 0.0               | Học lại |
| 9  | 1213360144 | Biện Thái Ngọc   | Hân   | 24/07/2006 | 01MK14C1 | 3.8               | Thi lại |
| 10 | 1213360154 | Trần Phan Quốc   | Hùng  | 02/09/2006 | 01MK14C1 | 4.1               | Đạt     |
| 11 | 1213360040 | Lê Quốc          | Hung  | 23/01/2006 | 01MK14C1 | 4.7               | Đạt     |
| 12 | 1213360129 | Võ Nhựt          | Huy   | 27/12/2006 | 01MK14C1 | 3.5               | Thi lại |
| 13 | 1213360115 | Hứa Thị Kim      | Ngân  | 24/04/2006 | 01MK14C1 | 6.2               | Đạt     |
| 14 | 1213180029 | Đỗ Yến           | Nhung | 10/12/1990 | 01MK14A1 | 9.5               | Đạt     |
| 15 | 1213360017 | Lý Kim           | Phụng | 10/02/2006 | 01MK14C1 | 1.9               | Học lại |
| 16 | 1213240019 | Trần Thị Thu     | Thắm  | 31/10/2002 | 01MK14A1 | 7.6               | Đạt     |
| 17 | 1213360126 | Nguyễn Liên      | Thành | 12/12/2006 | 01MK14C1 | 6.1               | Đạt     |
| 18 | 1213360145 | Nguyễn Hòa       | Thành | 08/12/2004 | 01MK14C1 | 5.2               | Đạt     |
| 19 | 1213360054 | Trương Kim Uyên  | Thảo  | 01/10/2006 | 01MK14C1 | 5.8               | Đạt     |
| 20 | 1213360140 | Huỳnh Phạm Anh   | Thư   | 01/11/2006 | 01MK14C1 | 7.9               | Đạt     |
| 21 | 1213360022 | Lê Hoàng Tú      | Trinh | 30/11/2005 | 01MK14C1 | 6.1               | Đạt     |
| 22 | 1213360092 | Nguyễn Hồ Phương | Uyên  | 30/05/2006 | 01MK14C1 | 5.7               | Đạt     |
| 23 | 1213360156 | Cao Nguyên       | Vũ    | 01/11/2006 | 01MK14C1 | 1.0               | Học lại |
| 24 | 1213360135 | Nguyễn Hà        | Vy    | 17/07/2006 | 01MK14C1 | #REF!             | #REF!   |

**TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN**  
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

**BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2**

**MÔN: NGHỆ THUẬT ĐÀM PHÁN TRONG KINH DOANH**

| TT | Mã SV      | HỌ VÀ TÊN             | Ngày sinh  | Mã lớp   | Điểm<br>TBM Lần 1 |         |
|----|------------|-----------------------|------------|----------|-------------------|---------|
|    |            |                       |            |          | TB Môn            | KQ1     |
| 1  | 1213360099 | Trần Ngọc Anh         | 18/05/2006 | 01MK14C1 | 9.1               | Đạt     |
| 2  | 1213360005 | Phan Thụy Ngọc Ánh    | 05/02/2002 | 01MK14C1 | 9.1               | Đạt     |
| 3  | 1213360103 | Đào Huỳnh Gia Bảo     | 22/10/2006 | 01MK14C1 | 8.4               | Đạt     |
| 4  | 1213240061 | Đỗ Văn Công           | 08/03/2003 | 01MK14A1 | 9.0               | Đạt     |
| 5  | 1213240017 | Lê Đô                 | 17/06/1998 | 01MK14A1 | 8.8               | Đạt     |
| 6  | 1213360069 | Phạm Nhật Tâm Doan    | 20/09/2005 | 01MK14C1 | 7.8               | Đạt     |
| 7  | 1213360094 | Trần Chấn Đông        | 04/10/2006 | 01MK14C1 | 8.6               | Đạt     |
| 8  | 1213360157 | Nguyễn Thị Hồng Hà    | 16/01/1996 | 01MK14C1 | 0.0               | Học lại |
| 9  | 1213360144 | Biện Thái Ngọc Hân    | 24/07/2006 | 01MK14C1 | 9.0               | Đạt     |
| 10 | 1213360154 | Trần Phan Quốc Hùng   | 02/09/2006 | 01MK14C1 | 8.7               | Đạt     |
| 11 | 1213360040 | Lê Quốc Hưng          | 23/01/2006 | 01MK14C1 | 8.4               | Đạt     |
| 12 | 1213360129 | Võ Nhựt Huy           | 27/12/2006 | 01MK14C1 | 8.4               | Đạt     |
| 13 | 1213360115 | Hứa Thị Kim Ngân      | 24/04/2006 | 01MK14C1 | 9.0               | Đạt     |
| 14 | 1213180029 | Đỗ Yến Nhung          | 10/12/1990 | 01MK14A1 | 9.0               | Đạt     |
| 15 | 1213360017 | Lý Kim Phụng          | 10/02/2006 | 01MK14C1 | 8.8               | Đạt     |
| 16 | 1213240019 | Trần Thị Thu Thắm     | 31/10/2002 | 01MK14A1 | 8.8               | Đạt     |
| 17 | 1213360126 | Nguyễn Liên Thành     | 12/12/2006 | 01MK14C1 | 9.1               | Đạt     |
| 18 | 1213360145 | Nguyễn Hòa Thành      | 08/12/2004 | 01MK14C1 | 8.7               | Đạt     |
| 19 | 1213360054 | Trương Kim Uyên Thảo  | 01/10/2006 | 01MK14C1 | 8.4               | Đạt     |
| 20 | 1213360140 | Huỳnh Phạm Anh Thư    | 01/11/2006 | 01MK14C1 | 8.5               | Đạt     |
| 21 | 1213360022 | Lê Hoàng Tú Trinh     | 30/11/2005 | 01MK14C1 | 8.5               | Đạt     |
| 22 | 1213360092 | Nguyễn Hồ Phương Uyên | 30/05/2006 | 01MK14C1 | 8.4               | Đạt     |
| 23 | 1213360156 | Cao Nguyên Vũ         | 01/11/2006 | 01MK14C1 | 0.0               | Học lại |
| 24 | 1213360135 | Nguyễn Hà Vy          | 17/07/2006 | 01MK14C1 | 8.4               | Đạt     |